

Bản án số: 97/2018/DS-PT

Ngày: 10 - 5 - 2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh

Các Thẩm phán: Ông Lưu Hữu Giàu

Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Thanh Phước – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2018/TLPT-DS ngày 12 tháng 3 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 125/2017/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 96/2018/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2018/QĐ-PT ngày 19/4/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1971, Có mặt

Cư trú: Số 123, tổ 5, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn P, Văn phòng luật sư Nguyễn Văn P thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang.
Vắng mặt

- Bị đơn:

1. Chị Nguyễn Đặng Như H, sinh năm 1981; Có mặt

2. Anh Huỳnh Trần V, sinh năm 1971, Vắng mặt

Cùng cư trú: Số 629, ấp B, xã X, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1971, Vắng mặt

Cư trú: Tổ 16, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo*: nguyên đơn Trần Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, trình bày:

Ngày 24.9.2016 (al) chị H có vay của chị số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, chị H có đóng lãi được 03 tháng thì ngưng cho đến nay.

Ngày 19.02.2016 (al) chị có vô 01 chân hụi 3.000.000 đồng gồm 25 phần, sau khi chị hốt hụi được số tiền 60.750.000 đồng thì giao cho chị H mượn.

Ngày 28.9.2016 (al) chị có vô 01 chân hụi 3.000.000 đồng gồm 22 phần, sau khi hốt được 54.000 000 đồng chị cũng giao cho chị H mượn.

Ngày 13.01.2017 chị H tiếp tục vay số tiền 20.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng chị H có đóng được 01 tháng thì ngưng cho đến nay. Tổng cộng các lần chị giao cho chị H là 184.750.000 đồng, chị Hà đều có viết biên nhận.

Các khoản tiền chị giao cho chị H anh V mượn thì chị H, anh V có làm viên nhận. Việc anh V, chị H vay tiền được chị L bảo lãnh nhưng không có làm giấy tờ chỉ nói miệng và cũng không có ai biết. Nay chị yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị H anh V trả cho chị số tiền 184.750.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

+ Bị đơn:

- Anh Huỳnh Trần V ủy quyền cho chị Nguyễn Đặng Như H trình bày: Chị cũng thống nhất với lời trình bày của chị P, hiện nay chị và anh V còn nợ chị P số tiền 184.750.000 đồng, do làm ăn thất bại, anh V bị tai nạn gãy chân không lao động được, chị xin được trả dần mỗi tháng 300.000 đồng, khi nào anh Vũ khỏe đi làm được chị sẽ trả nhiều hơn, chị không có nhờ chị L bảo lãnh.

- Chị Nguyễn Thị Mỹ L có tờ tự khai trình bày: không đồng ý theo yêu cầu của chị P, vì chị không có bảo lãnh cho anh V, chị H như chị Phượng trình bày, việc chị P đưa tiền cho anh V, chị H như thế nào thì giữa chị P với V, H thanh toán với nhau chị không có liên quan gì.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 125/2017/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị P.

Buộc anh Huỳnh Trần V, chị Nguyễn Đặng Như H phải có nghĩa vụ trả vụ trả cho chị Trần Thị P số tiền vay 184.750.000 đ (Một trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị P về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ L cùng có nghĩa vụ liên đới với anh V, chị H trả số tiền vay 184.750.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 31/10/2017, chị Trần Thị P có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, buộc chị Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên đới cùng anh Huỳnh Trần V và chị Nguyễn Đặng Như H trả cho bà số tiền vay 184.750.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn trình bày: Đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử: Bác yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị P; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 125/2017/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật, về thẩm quyền xét xử như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là hoàn toàn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 18 tháng 10 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn Trần Thị P với bị đơn Huỳnh Trần V, Nguyễn Đặng Như H và Nguyễn Thị Mỹ L theo bản án số 125/2017/DS-ST. Đến ngày 31 tháng 10 năm 2017, nguyên đơn Trần Thị P có đơn kháng cáo bản án. Xét về thời hạn kháng cáo, người có quyền kháng cáo đã đảm bảo theo đúng qui định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên thẩm quyền giải quyết phúc thẩm thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị đơn Huỳnh Trần V và Nguyễn Thị Mỹ L vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Chị Trần Thị P có đơn khởi kiện yêu cầu anh Huỳnh Trần V, chị Nguyễn Đặng Như H và chị Nguyễn Thị Mỹ L có trách nhiệm liên đới trả cho chị số tiền

tiền vay 184.750.000đ. Sau khi án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị P, buộc anh V và chị H có nghĩa vụ trả số nợ vay trên cho chị P; chị P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc chị L có nghĩa vụ liên đới cùng anh V và chị H trả cho chị số tiền vay 184.750.000đ.

Hội đồng xét xử xét:

Hợp đồng vay tài sản giữa chị P với anh V, chị H thực tế có xảy ra và được các bên thừa nhận. Phía anh V, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ít nhiều ảnh hưởng đến quyền lợi của chị P. Do đó, chị P yêu cầu anh V và chị H có nghĩa vụ trả số nợ vay này cho chị là có cơ sở chấp nhận.

Nguyên đơn Trần Thị P kháng cáo yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ L có trách nhiệm liên đới với vợ chồng anh V, chị H trả số tiền vay 184.750.000đ vì chị L là người bảo lãnh cho vợ chồng H, V vay tiền. Thấy rằng: Chính chị P xác định chị L không có ký bảo lãnh vào giấy vay tiền và cũng không có ai biết việc chị L bảo lãnh cho anh V, chị H vay tiền của chị. Đồng thời, lời khai của chị L, anh V, chị H cũng không thừa nhận việc vay tiền giữa chị P, anh V, chị H có sự bảo lãnh của chị L. Mặt khác, tại các biên nhận vay tiền giữa chị P với anh V, chị H thì không thể hiện có sự bảo lãnh của chị L. Từ đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị P về việc buộc chị L cùng có nghĩa vụ liên đới với anh V, chị H trả cho chị số tiền 184.750.000đ là có căn cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, ngoài lời khai ra thì chị P cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét khác mà nghĩ nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị P không được chấp nhận nên chị P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

I/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị P. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 125/2017/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ: Điều 26, 35, 39, 144, 147, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 335, 463 và 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 26; Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị P.

2. Buộc anh Huỳnh Trần V, chị Nguyễn Đăng Như H phải có nghĩa vụ trả vụ trả cho chị Trần Thị P số tiền vay 184.750.000 đ (Một trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị P về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ L cùng có nghĩa vụ liên đới với anh V, chị H trả số tiền vay 184.750.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Huỳnh Trần V, chị Nguyễn Đăng Như H phải chịu 9.237.000đ (Chín triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

Chị Trần Thị P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là: 4.618.000đ (Bốn triệu sáu trăm mười tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013919 ngày 16.05.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho bên được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

II/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trần Thị P phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0014511 ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn phòng;
- Tòa dân sự;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Ngọc Linh

